

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	02-03
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-44
Báo cáo thu nhập	07
Báo cáo tình hình tài chính	08-09
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	10
Báo cáo danh mục đầu tư	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14-44

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (sau đây gọi tắt là “Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 151/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2020. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/02/2023 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102130960 thay đổi lần 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/02/2023. ABF thực hiện các ngành nghề kinh doanh như: lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán, được các thành viên góp vốn ủy thác quản lý Quỹ.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nhâm Hà Hải	Chủ tịch - thành viên độc lập
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Tống Trần Lê Thành	Thành viên
Bà Vũ Thị Chính	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên độc lập
Ông Lại Tất Hà	Thành viên độc lập

Thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Việt Hà	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ cam kết rằng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Công ty Quản lý Quỹ



Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (sau đây gọi là “Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tại một số kỳ định giá, danh mục của Quỹ có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể như sau:
 - Tại các kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 18/07/2024 đến ngày 31/07/2024, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành (Tập đoàn Vingroup – Công ty CP) trên tổng tài sản của Quỹ vượt quá hạn mức tối đa 20%, chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 01/08/2024, tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hồng

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Số: 140325.031/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Trái phiếu An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024; Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2024-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO THU NHẬP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		106.375.593.743	42.629.536.119
03	1.1 Tiền lãi được nhận	14	112.663.418.655	43.257.254.862
04	1.2 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	15	(1.299.735.317)	(1.300.103.917)
05	1.3 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	16	(4.988.089.595)	672.385.174
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		268.003.224	129.219.930
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		268.003.224	129.219.930
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	17	24.322.997.033	8.413.453.802
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		21.536.959.427	7.159.220.352
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		910.018.444	304.754.857
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		326.767.661	108.948.848
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		490.151.488	230.106.526
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		158.400.000	158.400.000
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ mở		700.000.000	300.000.000
20.7	3.7 Chi phí họp, đại hội quỹ mở		88.601.051	37.361.583
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		86.400.000	86.400.000
20.10	3.9 Chi phí hoạt động khác		25.698.962	28.261.636
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		81.784.593.486	34.086.862.387
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		81.784.593.486	34.086.862.387
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		86.772.683.081	33.414.477.213
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(4.988.089.595)	672.385.174
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		81.784.593.486	34.086.862.387

Giảng

Lê Thị Giang
 Người lập

Phùng Thị Minh Thu

Phùng Thị Minh Thu
 Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3	253.744.045.589	339.288.550.955
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		43.594.566.137	43.065.784.808
112	1.2. Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		210.149.479.452	296.222.766.147
120	2. Các khoản đầu tư thuần	4	1.415.301.806.761	850.784.315.468
121	2.1. Các khoản đầu tư		1.415.301.806.761	850.784.315.468
121	2.1.1. Các khoản đầu tư trái phiếu		982.301.806.761	571.784.315.468
121	2.1.2. Đầu tư khác		433.000.000.000	279.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	5	33.921.705.809	16.610.243.211
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		41.636.000	-
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		33.880.069.809	16.610.243.211
136	3.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		33.880.069.809	16.610.243.211
100	TỔNG TÀI SẢN		1.702.967.558.159	1.206.683.109.634
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	6	8.422.004.530	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	7	41.103.950	221.452.371
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	84.077.328	181.042.285
316	4. Chi phí phải trả	9	70.061.993	75.700.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	10	19.183.100.000	6.471.972.000
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	629.702.707	1.580.865.289
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		28.430.050.508	8.531.031.945
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	12	1.674.537.507.651	1.198.152.077.689
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		1.276.862.108.500	965.267.558.700
412	1.1. Vốn góp phát hành		7.346.521.113.500	3.491.803.739.300
413	1.2. Vốn góp mua lại		(6.069.659.005.000)	(2.526.536.180.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		200.991.714.385	117.985.427.709
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	196.683.684.766	114.899.091.280
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		13.114,47	12.412,64

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		127.686.210,85	96.526.755,87

Grang

Lê Thị Giang
Người lập

Uth

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng



de m
Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	1.198.152.077.689	318.194.254.058
II.	Thay đổi NAV trong năm	81.784.593.486	34.086.862.387
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	81.784.593.486	34.086.862.387
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	394.600.836.476	845.870.961.244
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	4.926.812.244.471	1.842.489.992.224
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	4.532.211.407.995	996.619.030.980
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)	1.674.537.507.651	1.198.152.077.689

Giang

Lê Thị Giang
Người lập

Phùng Thị Minh Thu

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
 31/12/2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
I.	Trái phiếu				
I.1	Trái phiếu niêm yết			982.301.806.761	57,68%
	CTG121031	11.900	98.115,890	1.167.579.091	0,07%
	HDB124023	500.000	99.941,743	49.970.871.500	2,93%
	MML121021	1.097.987	98.088,511	107.699.909.927	6,32%
	MSN123008	1.499.079	101.009,779	151.421.638.494	8,89%
	MSN123009	779.900	99.477,442	77.582.457.016	4,56%
	MSN123010	66.975	100.947,076	6.760.930.415	0,40%
	TCX124011	560.468	98.777,580	55.361.672.707	3,25%
	TCX124012	797.832	99.005,236	78.989.545.448	4,64%
	TCX124013	319.037	99.037,660	31.596.677.933	1,86%
	VBA121033	490	948.173,278	464.604.906	0,03%
	VBA122001	431.910	98.943,933	42.734.874.102	2,51%
	VHM121025	768.159	100.999,932	77.584.006.765	4,56%
	VIC123028	651.004	99.139,644	64.540.304.803	3,79%
	VIC123029	1.829.553	99.260,068	181.601.555.190	10,66%
	VIC124003	108.260	98.158,989	10.626.692.149	0,62%
	VIC124004	405.607	99.014,171	40.160.840.857	2,36%
	VIC124005	40.780	99.010,433	4.037.645.458	0,24%
	Tổng	9.868.941		982.301.806.761	57,68%
II.	Các tài sản khác				
	1. Dự thu lãi trái phiếu			23.628.738.982	1,39%
	2. Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			9.857.238.355	0,58%
	3. Dự thu lãi tiền gửi			394.092.472	0,02%
	4. Tiền bán chứng khoán chờ thu			41.636.000	0,0024%
	Tổng			33.921.705.809	1,99%
III.	Tiền				
	1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			24.411.466.137	1,43%
	2. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			210.149.479.452	12,34%
	3. Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ			19.183.100.000	1,13%
	4. Chứng chỉ tiền gửi			433.000.000.000	25,43%
	Tổng			686.744.045.589	40,33%
IV.	Tổng giá trị danh mục			1.702.967.558.159	100,00%

Giang

Phùng Thị Minh Thu



Lê Thị Giang
 Người lập

Phùng Thị Minh Thu
 Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		81.784.593.486	34.086.862.387
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		4.988.089.595	(672.385.174)
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		4.988.089.595	(672.385.174)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		86.772.683.081	33.414.477.213
20	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		(569.505.580.888)	(546.012.070.442)
06	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		(41.636.000)	-
07	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(17.269.826.598)	(11.602.718.740)
10	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		8.422.004.530	-
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ		(180.348.421)	(708.981.868)
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(96.964.957)	107.542.514
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		12.711.128.000	4.745.472.000
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		-	(5.308.977)
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		(5.638.007)	(800.000)
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(951.162.582)	(58.185.819)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(480.145.341.842)	(520.120.574.119)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		4.926.812.244.471	1.842.489.992.224
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		4.532.211.407.995	996.619.030.980
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		394.600.836.476	845.870.961.244
40	III. TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(85.544.505.366)	325.750.387.125
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM			
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		339.288.550.955	13.538.163.830
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		36.593.812.808	11.811.663.830
53	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		296.222.766.147	
54	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		6.471.972.000	1.726.500.000

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		253.744.045.589	339.288.550.955
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		253.744.045.589	339.288.550.955
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		24.411.466.137	36.593.812.808
58	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		210.149.479.452	296.222.766.147
59	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		19.183.100.000	6.471.972.000
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM	3	(85.544.505.366)	325.750.387.125

Giang

Lê Thị Giang
Người lập

Phùng Thị Minh Thu

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 151/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2020. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.347.010 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị 53.470.100.000 VND với mệnh giá 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 1.276.862.108.500 VND tương đương với 127.686.210,85 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành tháng 07/2020 và sửa đổi bổ sung lần 4 vào tháng 04/2023.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho tối đa các Nhà đầu tư, phân tán rủi ro đầu tư, mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định bằng cách tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn, vừa đảm bảo mức lợi nhuận phù hợp với kỳ vọng của Nhà đầu tư vừa hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất có thể.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá: toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ: Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi đơn vị Quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 03/11/2020 (ngày cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ) và kết thúc ngày 31/12/2020.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.5 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ, cụ thể như sau:

- Tiền gửi không kỳ hạn được xác định bằng số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước ngày định giá;
- Tiền gửi có kỳ hạn được xác định bằng giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá;
- Đối với chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- Trái phiếu niêm yết được xác định theo giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- Trái phiếu không niêm yết được xác định là một trong các mức giá sau:
 - + Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

2.7 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ

- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.9 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.10 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.11 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,45% (một phẩy bốn trăm phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = $1,45\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giá dịch vụ Ngân hàng giám Sát

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = $0,02\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá Dịch vụ lưu ký là 0,06% (sáu điểm cơ bản) một năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch vụ lưu ký = $0,06\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = $0,03\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi; và giá dịch vụ phân phối cổ tức. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

2.12 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.13 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.14 . Thuế

Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Quỹ bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân sự quản lý chủ chốt của Quỹ, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Quỹ chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	24.411.466.137	36.593.812.808
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	19.183.100.000	6.471.972.000
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	210.149.479.452	296.222.766.147
	<u>253.744.045.589</u>	<u>339.288.550.955</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá mua	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm (*)	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024					
Trái phiếu niêm yết ⁽¹⁾					
- CTG121031 ^(1.1)	985.738.101.885	982.301.806.761	3.824.711.019	(7.261.006.143)	982.301.806.761
- HDB124023 ^(1.2)	1.131.588.682	1.167.579.091	35.990.409	-	1.167.579.091
- MML121021 ^(1.3)	50.000.000.000	49.970.871.500	-	(29.128.500)	49.970.871.500
- MSN123008 ^(1.4)	109.992.467.938	107.699.909.927	-	(2.292.558.011)	107.699.909.927
- MSN123009 ^(1.5)	150.765.243.403	151.421.638.494	656.395.091	-	151.421.638.494
- MSN123010 ^(1.6)	78.262.058.246	77.582.457.016	-	(679.601.230)	77.582.457.016
- TCX124011 ^(1.7)	6.768.651.304	6.760.930.415	-	(7.720.889)	6.760.930.415
- TCX124012 ^(1.8)	56.046.800.000	55.361.672.707	-	(685.127.293)	55.361.672.707
- TCX124013 ^(1.9)	79.724.884.800	78.989.545.448	-	(735.339.352)	78.989.545.448
- VBA121033 ^(1.10)	31.726.685.344	31.596.677.933	-	(130.007.411)	31.596.677.933
- VBA122001 ^(1.11)	465.291.112	464.604.906	-	(686.206)	464.604.906
- VHM121025 ^(1.12)	40.872.597.084	42.734.874.102	1.862.277.018	-	42.734.874.102
- VIC123028 ^(1.13)	76.328.128.752	77.584.006.765	1.255.878.013	-	77.584.006.765
- VIC123029 ^(1.14)	65.184.587.434	64.540.304.803	-	(644.282.631)	64.540.304.803
- VIC124003 ^(1.15)	183.633.047.861	181.601.555.190	-	(2.031.492.671)	181.601.555.190
- VIC124004 ^(1.16)	10.612.521.661	10.626.692.149	14.170.488	-	10.626.692.149
- VIC124005 ^(1.17)	40.174.843.945	40.160.840.857	-	(14.003.088)	40.160.840.857
Đầu tư khác ⁽²⁾	4.048.704.319	4.037.645.458	-	(11.058.861)	4.037.645.458
- Chứng chỉ tiền gửi ^(2.1)	433.000.000.000	433.000.000.000	-	-	433.000.000.000
	433.000.000.000	433.000.000.000	-	-	433.000.000.000
	1.418.738.101.885	1.415.301.806.761	3.824.711.019	(7.261.006.143)	1.415.301.806.761

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm (*)	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024					
Trái phiếu niêm yết	550.493.401.915	551.809.621.540	3.367.505.867	(2.051.286.242)	551.809.621.540
- MSN121013	9.847.540.428	9.801.322.439	-	(46.217.989)	9.801.322.439
- MSN121015	3.308.304.514	3.305.307.822	-	(2.996.692)	3.305.307.822
- VHM121024	5.596.191.247	5.608.444.505	12.253.258	-	5.608.444.505
- VHM121025	94.716.618.765	93.775.165.365	-	(941.453.400)	93.775.165.365
- GLH121019	80.654.927.579	80.498.298.554	-	(156.629.025)	80.498.298.554
- GLH121026	49.883.521.157	50.195.596.974	312.075.817	-	50.195.596.974
- NPM11911	31.342.731.205	30.866.767.860	-	(475.963.345)	30.866.767.860
- MML121021	112.255.665.404	113.529.834.128	1.274.168.724	-	113.529.834.128
- SBT121002	8.709.048.652	8.674.584.280	-	(34.464.372)	8.674.584.280
- VBA122001	20.488.681.428	21.873.589.637	1.384.908.209	-	21.873.589.637
- CTG121031	165.047.586	181.066.781	16.019.195	-	181.066.781
- VIC121003	31.055.180.265	31.064.871.967	9.691.702	-	31.064.871.967
- VIC121004	31.431.175.238	31.789.564.200	358.388.962	-	31.789.564.200
- VIC121005	71.038.768.447	70.645.207.028	-	(393.561.419)	70.645.207.028
Trái phiếu chưa niêm yết	19.739.119.082	19.974.693.928	235.574.846	-	19.974.693.928
- SHNH2023001-3	19.739.119.082	19.974.693.928	235.574.846	-	19.974.693.928
Đầu tư khác	279.000.000.000	279.000.000.000	-	-	279.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	129.000.000.000	129.000.000.000	-	-	129.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
	849.232.520.997	850.784.315.468	3.603.080.713	(2.051.286.242)	850.784.315.468

(*) Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm của các khoản đầu tư được xác định theo nguyên tắc định giá chi tiết tại Thuyết minh 2.5: Các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thông tin về các khoản đầu tư thuần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản trái phiếu niêm yết

- (1.1) - Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn 10 năm kể từ ngày phát hành ngày 18/11/2021, trả lãi 01 năm/lần
- (1.2) - Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có kỳ hạn 07 năm kể từ ngày phát hành ngày 30/10/2024, trả lãi 01 năm/lần.
- (1.3) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Masan Meatlife có kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành ngày 26/08/2021, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.4) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành ngày 20/02/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.5) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành ngày 22/02/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.6) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành ngày 17/03/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.7) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương có kỳ hạn 18 tháng kể từ ngày phát hành ngày 09/05/2024, trả lãi 03 tháng/lần.
- (1.8) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương có kỳ hạn 18 tháng kể từ ngày phát hành ngày 15/04/2024, trả lãi 03 tháng/lần.
- (1.9) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương có kỳ hạn 18 tháng kể từ ngày phát hành ngày 27/05/2024, trả lãi 03 tháng/lần.
- (1.10) - Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có kỳ hạn 07 năm kể từ ngày phát hành ngày 31/12/2021, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.11) - Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có kỳ hạn 08 năm kể từ ngày phát hành ngày 30/12/2022, trả lãi 01 năm/lần.
- (1.12) - Trái phiếu Công ty Cổ phần Vinhomes có kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành ngày 25/11/2021, trả lãi 03 tháng/lần.
- (1.13) - Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP có kỳ hạn 02 năm kể từ ngày phát hành ngày 31/08/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.14) - Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP có kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành ngày 14/09/2023, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.15) - Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP có kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành ngày 24/01/2024, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.16) - Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP có kỳ hạn 02 năm kể từ ngày phát hành ngày 13/03/2024, trả lãi 06 tháng/lần.
- (1.17) - Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP có kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành ngày 26/03/2024, trả lãi 06 tháng/lần.

Các khoản đầu tư khác

- (2.1) Các chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phát hành với kỳ hạn từ 06 tháng đến 18 tháng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong năm	23.628.738.982	11.137.332.233
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong năm	-	1.546.301.370
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá	10.251.330.827	3.926.609.608
Phải thu về bán các khoản đầu tư	41.636.000	-
	33.921.705.809	16.610.243.211

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả hoạt động mua chứng khoán niêm yết	8.422.004.530	-
	8.422.004.530	-

7 . PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phí mua lại, phí phát hành trả cho Công ty Quản lý Quỹ	41.103.950	221.452.371
	41.103.950	221.452.371

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	84.077.328	181.042.285
	84.077.328	181.042.285

9 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả chi phí kiểm toán	43.200.000	43.200.000
Trích trước chi phí quản lý thường niên trả UBCK	-	7.500.000
Trích trước thù lao cho ban đại diện Quỹ	25.000.000	25.000.000
Chi phí phải trả khác	1.861.993	-
	70.061.993	75.700.000

10 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	19.183.100.000	6.471.972.000
	19.183.100.000	6.471.972.000

11 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	456.316.261	1.451.533.073
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	84.395.638	61.074.065
Phải trả phí dịch vụ giám sát	30.316.325	22.023.260
Phải trả phí dịch vụ quản trị	45.474.483	33.034.891
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
	629.702.707	1.580.865.289

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Phát sinh trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Năm 2023			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	197.657.841,89	151.522.532,04	349.180.373,93
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.593,73	12.159,84	11.273,33
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.976.578.418.900	1.515.225.320.400	3.491.803.739.300
Thặng dư vốn	117.356.213.528	327.264.671.824	444.620.885.352
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	2.093.934.632.428	1.842.489.992.224	3.936.424.624.652
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	170.085.650,10	82.567.967,96	252.653.618,06
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.915,40	12.070,29	11.292,82
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.700.856.501.000	825.679.679.600	2.526.536.180.600
Thặng dư vốn	155.696.106.263	170.939.351.380	326.635.457.643
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	1.856.552.607.263	996.619.030.980	2.853.171.638.243
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	27.572.191,79	68.954.564,08	96.526.755,87
Giá trị vốn góp hiện hành	237.382.025.165	845.870.961.244	1.083.252.986.409
Lợi nhuận chưa phân phối	80.812.228.893	34.086.862.387	114.899.091.280
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	318.194.254.058		1.198.152.077.689
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	11.540,40		12.412,64
	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Phát sinh trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
Năm 2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	349.180.373,93	385.471.737,42	734.652.111,35
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	11.273,33	12.781,25	12.064,54
Giá trị ghi theo mệnh giá	3.491.803.739.300	3.854.717.374.200	7.346.521.113.500
Thặng dư vốn	444.620.885.352	1.072.094.870.271	1.516.715.755.623
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	3.936.424.624.652	4.926.812.244.471	8.863.236.869.123
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	252.653.618,06	354.312.282,44	606.965.900,50
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	11.292,82	12.791,57	12.167,71
Giá trị ghi theo mệnh giá	2.526.536.180.600	3.543.122.824.400	6.069.659.005.000
Thặng dư vốn	326.635.457.643	989.088.583.595	1.315.724.041.238
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	2.853.171.638.243	4.532.211.407.995	7.385.383.046.238
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	96.526.755,87	31.159.454,98	127.686.210,85
Giá trị vốn góp hiện hành	1.083.252.986.409	394.600.836.476	1.477.853.822.885
Lợi nhuận chưa phân phối	114.899.091.280	81.784.593.486	196.683.684.766
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	1.198.152.077.689		1.674.537.507.651
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	12.412,64		13.114,47

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	200.119.979.890	113.347.296.809
Lợi nhuận chưa thực hiện	(3.436.295.124)	1.551.794.471
	196.683.684.766	114.899.091.280

14 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.852.674.941	3.272.492.647
Lãi chứng chỉ tiền gửi	21.094.238.355	2.576.643.837
Lãi trái phiếu	81.716.505.359	37.408.118.378
	112.663.418.655	43.257.254.862

15 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2024		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoản trong năm
	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	631.701.354.668	633.331.525.844	(1.630.171.176)
Trái phiếu không niêm yết	20.000.000.000	19.739.119.082	260.880.918
Chứng chỉ tiền gửi	91.443.266.080	91.373.711.139	69.554.941
Tổng cộng	743.144.620.748	744.444.356.065	(1.299.735.317)

	Năm 2023		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoản trong năm
	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	197.744.531.893	199.174.635.810	(1.430.103.917)
Trái phiếu không niêm yết	10.000.000.000	9.870.000.000	130.000.000
Tổng cộng	207.744.531.893	209.044.635.810	(1.300.103.917)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Năm 2024					
	Giá trị mua theo sổ kế toán (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	985.738.101.885	982.301.806.761	(3.436.295.124)	1.316.219.625	(4.752.514.749)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	235.574.846	(235.574.846)
Chứng chỉ tiền gửi	433.000.000.000	433.000.000.000	-	-	-
	1.418.738.101.885	1.415.301.806.761	(3.436.295.124)	1.551.794.471	(4.988.089.595)
Năm 2023					
	Giá trị mua theo sổ kế toán (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	550.493.401.915	551.809.621.540	1.316.219.625	652.277.188	663.942.437
Trái phiếu chưa niêm yết	19.739.119.082	19.974.693.928	235.574.846	227.132.109	8.442.737
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	129.000.000.000	129.000.000.000	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-
	849.232.520.997	850.784.315.468	1.551.794.471	879.409.297	672.385.174

17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phí quản lý quỹ mở	21.536.959.427	7.159.220.352
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	910.018.444	304.754.857
Phí dịch vụ giám sát	326.767.661	108.948.848
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	490.151.488	230.106.526
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	158.400.000	158.400.000
Thù lao cho ban đại diện quỹ	700.000.000	300.000.000
Chi phí hợp, đại hội quỹ mở	88.601.051	37.361.583
Chi phí kiểm toán	86.400.000	86.400.000
Chi phí hoạt động khác	25.698.962	28.261.636
	24.322.997.033	8.413.453.802

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	1,66%	1,73%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	70,83%	77,85%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm
 Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán) để có khả năng so sánh giữa các kỳ và các Quỹ mở.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc báo cáo tài chính của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	253.744.045.589	253.744.045.589	339.288.550.955	339.288.550.955
Các khoản đầu tư thuần	1.415.301.806.761	1.415.301.806.761	850.784.315.468	850.784.315.468
Các khoản phải thu	33.921.705.809	33.921.705.809	16.610.243.211	16.610.243.211
	<u>1.702.967.558.159</u>	<u>1.702.967.558.159</u>	<u>1.206.683.109.634</u>	<u>1.206.683.109.634</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả chi phí về quản lý quỹ mở	670.806.657	670.806.657	1.802.317.660	1.802.317.660
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua, mua lại Chứng chỉ quỹ	19.183.100.000	19.183.100.000	6.471.972.000	6.471.972.000
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	70.061.993	70.061.993	75.700.000	75.700.000
Phải trả về mua các khoản đầu tư	8.422.004.530	8.422.004.530	-	-
	28.345.973.180	28.345.973.180	8.349.989.660	8.349.989.660

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối năm do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong năm.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
	VND	VND		VND	VND	VND
Kỳ cuối Tháng 12/2023	1.198.152.077.689		96.526.755,87	12.412,64		
Kỳ 1 Tháng 1/2024	1.198.314.218.611		96.526.755,87	12.414,32		1,68
Kỳ 2 Tháng 1/2024	1.199.872.344.851		96.637.005,44	12.416,28		1,96
Kỳ 3 Tháng 1/2024	1.188.377.833.062		95.698.631,71	12.417,91		1,63
Kỳ 4 Tháng 1/2024	1.191.032.739.659		95.899.601,47	12.419,57		1,66
Kỳ 5 Tháng 1/2024	1.199.071.310.250		96.507.796,90	12.424,60		5,03
Kỳ 6 Tháng 1/2024	1.207.141.921.192		97.145.395,37	12.426,13		1,53
Kỳ 7 Tháng 1/2024	1.198.507.790.669		96.437.984,31	12.427,75		1,62
Kỳ 8 Tháng 1/2024	1.188.794.920.921		95.647.824,08	12.428,87		1,12
Kỳ 9 Tháng 1/2024	1.176.864.836.535		94.673.940,39	12.430,71		1,84
Kỳ 10 Tháng 1/2024	1.182.393.580.757		95.083.266,32	12.435,34		4,63
Kỳ 11 Tháng 1/2024	1.184.157.041.770		95.204.644,47	12.438,01		2,67
Kỳ 12 Tháng 1/2024	1.184.999.167.011		95.254.506,63	12.440,34		2,33
Kỳ 13 Tháng 1/2024	1.179.217.511.640		94.784.503,90	12.441,03		0,69
Kỳ 14 Tháng 1/2024	1.181.274.329.204		94.935.783,94	12.442,87		1,84
Kỳ 15 Tháng 1/2024	1.171.761.814.775		94.128.413,95	12.448,54		5,67
Kỳ 16 Tháng 1/2024	1.178.267.220.522		94.636.436,67	12.450,46		1,92
Kỳ 17 Tháng 1/2024	1.155.784.495.416		92.815.295,28	12.452,52		2,06
Kỳ 18 Tháng 1/2024	1.148.761.476.836		92.235.875,43	12.454,60		2,08
Kỳ 19 Tháng 1/2024	1.142.547.349.203		91.717.358,52	12.457,26		2,66
Kỳ 20 Tháng 1/2024	1.140.958.101.328		91.545.907,99	12.463,23		5,97
Kỳ 21 Tháng 1/2024	1.141.309.388.410		91.558.339,51	12.465,37		2,14
Kỳ 22 Tháng 1/2024	1.145.965.604.733		91.915.707,06	12.467,57		2,20
Kỳ cuối Tháng 1/2024	1.141.426.566.608		91.536.748,06	12.469,59		2,02

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/đơn vị Quỹ	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Kỳ 1 Tháng 2/2024	1.144.938.988.055		91.803.218,26	12.471,66			2,07
Kỳ 2 Tháng 2/2024	1.138.319.455.753		91.229.667,97	12.477,51			5,85
Kỳ 3 Tháng 2/2024	1.137.715.019.268		91.164.428,21	12.479,81			2,30
Kỳ 4 Tháng 2/2024	1.138.357.898.641		91.203.338,67	12.481,53			1,72
Kỳ 5 Tháng 2/2024	1.148.032.094.805		91.962.017,62	12.483,76			2,23
Kỳ 6 Tháng 2/2024	1.149.201.214.633		91.962.017,62	12.496,47			12,71
Kỳ 7 Tháng 2/2024	1.149.484.354.628		91.962.017,62	12.499,55			3,08
Kỳ 8 Tháng 2/2024	1.130.867.942.518		90.431.158,69	12.505,29			5,74
Kỳ 9 Tháng 2/2024	1.141.872.313.726		91.319.881,84	12.504,09			(1,20)
Kỳ 10 Tháng 2/2024	1.155.300.988.576		92.379.441,34	12.506,04			1,95
Kỳ 11 Tháng 2/2024	1.164.277.950.332		93.062.998,53	12.510,64			4,60
Kỳ 12 Tháng 2/2024	1.164.382.607.420		93.063.238,32	12.511,73			1,09
Kỳ 13 Tháng 2/2024	1.202.552.941.982		96.047.744,23	12.520,36			8,63
Kỳ 14 Tháng 2/2024	1.213.118.307.234		96.874.670,31	12.522,55			2,19
Kỳ 15 Tháng 2/2024	1.222.636.042.271		97.622.658,24	12.524,10			1,55
Kỳ 16 Tháng 2/2024	1.218.582.510.463		97.283.283,20	12.526,12			2,02
Kỳ cuối Tháng 2/2024	1.222.681.063.407		97.588.619,70	12.528,93			2,81
Kỳ 1 Tháng 3/2024	1.231.817.610.082		98.278.800,96	12.533,90			4,97
Kỳ 2 Tháng 3/2024	1.237.518.875.884		98.719.763,11	12.535,67			1,77
Kỳ 3 Tháng 3/2024	1.247.635.786.719		99.515.190,89	12.537,13			1,46
Kỳ 4 Tháng 3/2024	1.246.900.156.869		99.443.241,88	12.538,81			1,68
Kỳ 5 Tháng 3/2024	1.250.367.051.652		99.704.274,94	12.540,75			1,94
Kỳ 6 Tháng 3/2024	1.273.060.506.635		101.464.024,84	12.546,91			6,16
Kỳ 7 Tháng 3/2024	1.286.510.249.435		102.514.637,32	12.549,52			2,61

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Kỳ 8 Tháng 3/2024	1.275.031.610.048		101.587.177,11	12.551,10		1,58	
Kỳ 9 Tháng 3/2024	1.281.304.432.767		102.094.947,67	12.550,12		(0,98)	
Kỳ 10 Tháng 3/2024	1.284.126.639.343		102.302.012,49	12.552,31		2,19	
Kỳ 11 Tháng 3/2024	1.292.424.558.682		102.925.791,85	12.556,85		4,54	
Kỳ 12 Tháng 3/2024	1.305.251.323.068		103.934.724,36	12.558,37		1,52	
Kỳ 13 Tháng 3/2024	1.318.700.074.630		104.996.795,77	12.559,43		1,06	
Kỳ 14 Tháng 3/2024	1.333.078.039.625		106.114.755,20	12.562,60		3,17	
Kỳ 15 Tháng 3/2024	1.350.685.800.029		107.503.530,95	12.564,10		1,50	
Kỳ 16 Tháng 3/2024	1.362.655.187.888		108.414.476,40	12.568,94		4,84	
Kỳ 17 Tháng 3/2024	1.363.998.198.042		108.503.598,83	12.570,99		2,05	
Kỳ 18 Tháng 3/2024	1.370.750.866.468		109.029.241,68	12.572,32		1,33	
Kỳ 19 Tháng 3/2024	1.376.425.587.951		109.469.183,04	12.573,63		1,31	
Kỳ 20 Tháng 3/2024	1.387.434.574.974		110.331.904,01	12.575,09		1,46	
Kỳ cuối Tháng 3/2024	1.394.675.511.481		110.871.584,32	12.579,19		4,10	
Kỳ 1 Tháng 4/2024	1.398.404.356.438		111.158.148,88	12.580,31		1,12	
Kỳ 2 Tháng 4/2024	1.418.353.578.952		112.719.152,25	12.583,07		2,76	
Kỳ 3 Tháng 4/2024	1.426.217.546.572		113.329.325,18	12.584,71		1,64	
Kỳ 4 Tháng 4/2024	1.436.505.301.491		114.132.385,85	12.586,30		1,59	
Kỳ 5 Tháng 4/2024	1.435.053.103.358		113.975.079,51	12.590,93		4,63	
Kỳ 6 Tháng 4/2024	1.445.765.495.054		114.813.598,48	12.592,28		1,35	
Kỳ 7 Tháng 4/2024	1.447.185.986.389		114.910.850,37	12.593,98		1,70	
Kỳ 8 Tháng 4/2024	1.464.022.616.602		116.228.049,49	12.596,12		2,14	
Kỳ 9 Tháng 4/2024	1.465.863.578.334		116.362.048,51	12.597,43		1,31	
Kỳ 10 Tháng 4/2024	1.475.583.608.564		117.091.944,88	12.601,92		4,49	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHÚNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV

	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/đơn vị Quỹ	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Kỳ 11 Tháng 4/2024	1.488.923.039.287		118.124.857,24	12.604,65		2,73	
Kỳ 12 Tháng 4/2024	1.502.802.328.012		119.194.148,86	12.608,02		3,37	
Kỳ 13 Tháng 4/2024	1.515.331.446.850		120.178.984,18	12.608,95		0,93	
Kỳ 14 Tháng 4/2024	1.515.425.723.602		120.178.984,18	12.609,73		0,78	
Kỳ 15 Tháng 4/2024	1.534.173.292.095		121.623.812,17	12.614,08		4,35	
Kỳ 16 Tháng 4/2024	1.538.012.777.218		121.907.773,49	12.616,19		2,11	
Kỳ 17 Tháng 4/2024	1.541.922.172.586		122.183.919,52	12.619,68		3,49	
Kỳ 18 Tháng 4/2024	1.560.213.816.422		123.638.016,11	12.619,20		(0,48)	
Kỳ 19 Tháng 4/2024	1.576.784.801.323		124.928.318,12	12.621,51		2,31	
Kỳ cuối Tháng 4/2024	1.597.409.472.223		126.480.095,25	12.629,73		8,22	
Kỳ 1 Tháng 5/2024	1.597.451.764.296		126.480.095,25	12.630,06		0,33	
Kỳ 2 Tháng 5/2024	1.603.859.793.511		126.968.883,09	12.631,91		1,85	
Kỳ 3 Tháng 5/2024	1.586.023.112.407		125.495.070,26	12.638,13		6,22	
Kỳ 4 Tháng 5/2024	1.589.637.462.144		125.767.309,86	12.639,51		1,38	
Kỳ 5 Tháng 5/2024	1.581.271.222.487		125.085.533,08	12.641,51		2,00	
Kỳ 6 Tháng 5/2024	1.587.287.296.784		125.531.959,17	12.644,48		2,97	
Kỳ 7 Tháng 5/2024	1.601.401.637.865		126.603.140,96	12.648,98		4,50	
Kỳ 8 Tháng 5/2024	1.609.573.746.730		127.197.899,20	12.654,09		5,11	
Kỳ 9 Tháng 5/2024	1.612.197.130.715		127.378.186,52	12.656,77		2,68	
Kỳ 10 Tháng 5/2024	1.627.748.564.457		128.581.797,51	12.659,24		2,47	
Kỳ 11 Tháng 5/2024	1.632.597.586.546		128.939.798,22	12.661,70		2,46	
Kỳ 12 Tháng 5/2024	1.639.933.718.984		129.489.723,88	12.664,58		2,88	
Kỳ 13 Tháng 5/2024	1.644.128.276.028		129.755.088,24	12.671,01		6,43	
Kỳ 14 Tháng 5/2024	1.625.256.275.883		128.236.725,10	12.673,87		2,86	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHÚNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
	VND			VND		
Kỳ 15 Tháng 5/2024	1.599.433.162.302		126.164.196,22	12.677,39	3,52	
Kỳ 16 Tháng 5/2024	1.588.552.598.861		125.291.684,34	12.678,83	1,44	
Kỳ 17 Tháng 5/2024	1.579.919.100.134		124.590.923,93	12.680,85	2,02	
Kỳ 18 Tháng 5/2024	1.563.218.899.666		123.203.401,04	12.688,11	7,26	
Kỳ 19 Tháng 5/2024	1.551.871.027.740		122.285.432,88	12.690,56	2,45	
Kỳ 20 Tháng 5/2024	1.532.205.476.578		120.725.006,80	12.691,69	1,13	
Kỳ 21 Tháng 5/2024	1.526.454.291.406		120.255.538,11	12.693,42	1,73	
Kỳ 22 Tháng 5/2024	1.537.165.500.648		121.085.751,32	12.694,85	1,43	
Kỳ cuối Tháng 5/2024	1.537.861.156.175		121.119.063,36	12.697,10	2,25	
Kỳ 1 Tháng 6/2024	1.538.381.526.369		121.119.063,36	12.701,39	4,29	
Kỳ 2 Tháng 6/2024	1.537.457.139.134		121.023.877,40	12.703,75	2,36	
Kỳ 3 Tháng 6/2024	1.534.748.974.827		120.774.583,36	12.707,54	3,79	
Kỳ 4 Tháng 6/2024	1.523.049.289.303		119.830.186,53	12.710,06	2,52	
Kỳ 5 Tháng 6/2024	1.512.853.673.380		119.004.963,76	12.712,52	2,46	
Kỳ 6 Tháng 6/2024	1.509.042.425.180		118.675.902,89	12.715,65	3,13	
Kỳ 7 Tháng 6/2024	1.493.263.276.003		117.399.326,29	12.719,52	3,87	
Kỳ 8 Tháng 6/2024	1.478.041.653.200		116.188.249,61	12.721,09	1,57	
Kỳ 9 Tháng 6/2024	1.481.098.577.107		116.422.403,30	12.721,76	0,67	
Kỳ 10 Tháng 6/2024	1.480.329.103.129		116.334.534,45	12.724,76	3,00	
Kỳ 11 Tháng 6/2024	1.477.382.054.962		116.044.258,18	12.731,19	6,43	
Kỳ 12 Tháng 6/2024	1.472.955.836.803		115.678.760,67	12.733,15	1,96	
Kỳ 13 Tháng 6/2024	1.464.855.946.768		115.028.620,36	12.734,70	1,55	
Kỳ 14 Tháng 6/2024	1.455.547.874.234		114.265.865,97	12.738,25	3,55	
Kỳ 15 Tháng 6/2024	1.452.541.860.899		114.023.822,16	12.738,93	0,68	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG

Kỳ tính NAV

	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm)	
	VND		VND	NAV/đơn vị Quỹ	VND
Kỳ 16 Tháng 6/2024	1.456.735.051.582	114.297.653,51	12.745,10		6,17
Kỳ 17 Tháng 6/2024	1.459.347.011.414	114.497.386,92	12.745,67		0,57
Kỳ 18 Tháng 6/2024	1.460.169.219.161	114.554.856,30	12.746,46		0,79
Kỳ 19 Tháng 6/2024	1.453.248.205.589	114.004.305,68	12.747,30		0,84
Kỳ 20 Tháng 6/2024	1.443.428.750.771	113.227.812,22	12.748,00		0,70
Kỳ cuối Tháng 6/2024	1.448.282.709.640	113.559.623,84	12.753,50		5,50
Kỳ 1 Tháng 7/2024	1.453.529.726.199	113.965.152,45	12.754,15		0,65
Kỳ 2 Tháng 7/2024	1.442.237.889.378	113.091.038,03	12.752,89		(1,26)
Kỳ 3 Tháng 7/2024	1.450.198.641.649	113.699.363,44	12.754,67		1,78
Kỳ 4 Tháng 7/2024	1.450.275.439.931	113.694.974,57	12.755,84		1,17
Kỳ 5 Tháng 7/2024	1.453.488.331.119	113.890.959,18	12.762,10		6,26
Kỳ 6 Tháng 7/2024	1.429.695.749.864	112.008.311,53	12.764,19		2,09
Kỳ 7 Tháng 7/2024	1.423.947.959.973	111.536.274,00	12.766,68		2,49
Kỳ 8 Tháng 7/2024	1.418.182.770.555	111.063.917,29	12.769,06		2,38
Kỳ 9 Tháng 7/2024	1.400.251.535.455	109.642.019,11	12.771,12		2,06
Kỳ 10 Tháng 7/2024	1.393.848.730.011	109.086.556,59	12.777,45		6,33
Kỳ 11 Tháng 7/2024	1.381.549.876.679	108.115.997,65	12.778,40		0,95
Kỳ 12 Tháng 7/2024	1.372.034.834.951	107.360.705,45	12.779,67		1,27
Kỳ 13 Tháng 7/2024	1.344.181.549.253	105.160.731,73	12.782,16		2,49
Kỳ 14 Tháng 7/2024	1.339.266.201.701	104.771.865,69	12.782,68		0,52
Kỳ 15 Tháng 7/2024	1.326.837.352.122	103.752.507,38	12.788,48		5,80
Kỳ 16 Tháng 7/2024	1.325.784.411.607	103.641.811,17	12.791,98		3,50
Kỳ 17 Tháng 7/2024	1.315.351.756.236	102.794.527,83	12.795,93		3,95
Kỳ 18 Tháng 7/2024	1.312.150.762.126	102.532.982,44	12.797,35		1,42

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Kỳ 19 Tháng 7/2024	1.306.984.553.506		102.121.633,93	12.798,31			0,96
Kỳ 20 Tháng 7/2024	1.297.040.667.968		101.306.220,94	12.803,16			4,85
Kỳ 21 Tháng 7/2024	1.306.445.748.427		102.008.395,42	12.807,23			4,07
Kỳ 22 Tháng 7/2024	1.324.256.486.000		103.384.816,08	12.809,00			1,77
Kỳ cuối Tháng 7/2024	1.345.860.529.524		105.056.939,85	12.810,77			1,77
Kỳ 1 Tháng 8/2024	1.352.463.892.853		105.557.529,60	12.812,57			1,80
Kỳ 2 Tháng 8/2024	1.357.339.273.071		105.888.357,53	12.818,58			6,01
Kỳ 3 Tháng 8/2024	1.362.759.795.808		106.294.657,42	12.820,58			2,00
Kỳ 4 Tháng 8/2024	1.368.666.932.857		106.738.154,86	12.822,65			2,07
Kỳ 5 Tháng 8/2024	1.384.743.466.471		107.977.489,08	12.824,37			1,72
Kỳ 6 Tháng 8/2024	1.398.905.524.782		109.075.492,73	12.825,11			0,74
Kỳ 7 Tháng 8/2024	1.411.385.781.308		110.004.608,29	12.830,24			5,13
Kỳ 8 Tháng 8/2024	1.434.400.315.154		111.779.116,38	12.832,45			2,21
Kỳ 9 Tháng 8/2024	1.441.738.561.580		112.333.910,62	12.834,40			1,95
Kỳ 10 Tháng 8/2024	1.436.939.350.032		111.950.044,97	12.835,54			1,14
Kỳ 11 Tháng 8/2024	1.447.676.399.802		112.769.498,34	12.837,48			1,94
Kỳ 12 Tháng 8/2024	1.465.375.321.792		114.098.996,53	12.843,01			5,53
Kỳ 13 Tháng 8/2024	1.477.886.433.492		115.047.025,07	12.845,93			2,92
Kỳ 14 Tháng 8/2024	1.499.379.276.414		116.697.031,05	12.848,47			2,54
Kỳ 15 Tháng 8/2024	1.514.556.685.392		117.859.946,80	12.850,47			2,00
Kỳ 16 Tháng 8/2024	1.526.399.674.869		118.770.752,63	12.851,64			1,17
Kỳ 17 Tháng 8/2024	1.550.104.644.336		120.534.643,06	12.860,24			8,60
Kỳ 18 Tháng 8/2024	1.560.461.119.689		121.310.862,07	12.863,32			3,08
Kỳ 19 Tháng 8/2024	1.576.498.942.706		122.537.583,45	12.865,43			2,11

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
	VND	VND		VND	VND	VND
Kỳ 20 Tháng 8/2024	1.591.844.400.459		123.706.340,85	12.867,92		2,49
Kỳ 21 Tháng 8/2024	1.611.194.308.528		125.191.817,99	12.869,80		1,88
Kỳ cuối Tháng 8/2024	1.631.173.864.848		126.706.760,37	12.873,61		3,81
Kỳ 1 Tháng 9/2024	1.632.040.466.895		126.706.760,37	12.880,45		6,84
Kỳ 2 Tháng 9/2024	1.632.529.213.647		126.710.866,66	12.883,89		3,44
Kỳ 3 Tháng 9/2024	1.633.220.948.631		126.736.806,13	12.886,71		2,82
Kỳ 4 Tháng 9/2024	1.641.233.075.126		127.297.097,73	12.892,93		6,22
Kỳ 5 Tháng 9/2024	1.656.414.525.325		128.468.295,48	12.893,56		0,63
Kỳ 6 Tháng 9/2024	1.670.437.125.252		129.535.317,93	12.895,61		2,05
Kỳ 7 Tháng 9/2024	1.684.338.878.138		130.607.297,41	12.896,20		0,59
Kỳ 8 Tháng 9/2024	1.697.902.818.398		131.662.051,82	12.895,91		(0,29)
Kỳ 9 Tháng 9/2024	1.715.419.007.572		132.957.928,06	12.901,96		6,05
Kỳ 10 Tháng 9/2024	1.728.681.304.256		133.964.052,34	12.904,06		2,10
Kỳ 11 Tháng 9/2024	1.730.086.428.011		134.040.159,95	12.907,22		3,16
Kỳ 12 Tháng 9/2024	1.724.319.438.295		133.557.070,55	12.910,73		3,51
Kỳ 13 Tháng 9/2024	1.716.609.951.359		132.947.963,71	12.911,89		1,16
Kỳ 14 Tháng 9/2024	1.730.604.169.423		133.968.902,93	12.917,95		6,06
Kỳ 15 Tháng 9/2024	1.727.558.394.406		133.757.865,73	12.915,56		(2,39)
Kỳ 16 Tháng 9/2024	1.706.158.225.423		132.065.284,78	12.919,05		3,49
Kỳ 17 Tháng 9/2024	1.702.231.878.901		131.737.623,30	12.921,37		2,32
Kỳ 18 Tháng 9/2024	1.718.926.592.247		132.962.405,37	12.927,91		6,54
Kỳ 19 Tháng 9/2024	1.732.276.277.854		133.932.642,50	12.933,93		6,02
Kỳ cuối Tháng 9/2024	1.735.578.360.767		134.171.555,94	12.935,51		1,58
Kỳ 1 Tháng 10/2024	1.715.132.269.708		132.555.225,43	12.939,00		3,49



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV

	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
	VND		VND	VND
Kỳ 2 Tháng 10/2024	1.722.529.183.328	133.109.109,27	12.940,73	1,73
Kỳ 3 Tháng 10/2024	1.712.862.467.768	132.338.964,29	12.942,99	2,26
Kỳ 4 Tháng 10/2024	1.707.367.803.124	131.859.629,13	12.948,37	5,38
Kỳ 5 Tháng 10/2024	1.704.491.896.919	131.629.438,39	12.949,16	0,79
Kỳ 6 Tháng 10/2024	1.712.812.307.532	132.190.197,05	12.957,18	8,02
Kỳ 7 Tháng 10/2024	1.725.267.719.233	133.208.120,10	12.951,67	(5,51)
Kỳ 8 Tháng 10/2024	1.741.504.205.640	134.456.631,18	12.952,16	0,49
Kỳ 9 Tháng 10/2024	1.763.093.083.217	136.064.448,25	12.957,77	5,61
Kỳ 10 Tháng 10/2024	1.782.908.451.891	137.573.607,66	12.959,66	1,89
Kỳ 11 Tháng 10/2024	1.786.245.302.603	137.806.251,45	12.962,00	2,34
Kỳ 12 Tháng 10/2024	1.790.437.246.547	138.102.020,36	12.964,59	2,59
Kỳ 13 Tháng 10/2024	1.794.184.648.946	138.376.372,32	12.965,97	1,38
Kỳ 14 Tháng 10/2024	1.798.298.772.950	138.635.273,16	12.971,43	5,46
Kỳ 15 Tháng 10/2024	1.786.949.390.228	137.749.538,65	12.972,45	1,02
Kỳ 16 Tháng 10/2024	1.784.222.220.469	137.533.185,37	12.973,03	0,58
Kỳ 17 Tháng 10/2024	1.781.766.392.980	137.333.339,12	12.974,02	0,99
Kỳ 18 Tháng 10/2024	1.785.366.936.458	137.592.778,29	12.975,73	1,71
Kỳ 19 Tháng 10/2024	1.788.842.505.931	137.787.758,80	12.982,59	6,86
Kỳ 20 Tháng 10/2024	1.793.294.668.847	138.113.643,68	12.984,19	1,60
Kỳ 21 Tháng 10/2024	1.781.991.971.272	137.226.169,00	12.985,80	1,61
Kỳ 22 Tháng 10/2024	1.765.241.484.461	135.919.218,64	12.987,43	1,63
Kỳ cuối Tháng 10/2024	1.763.043.336.939	135.721.063,74	12.990,19	2,76
Kỳ 1 Tháng 11/2024	1.769.754.267.932	136.176.000,70	12.996,08	5,89
Kỳ 2 Tháng 11/2024	1.769.485.918.437	136.140.113,52	12.997,53	1,45

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV

	Số lượng chứng chỉ quỹ		NAV/đơn vị quỹ		Tăng/ (giảm)	
	NAV		NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		NAV/đơn vị Quỹ	VND
	VND		VND		VND	
Kỳ 3 Tháng 11/2024	1.737.941.511.126	133.695.262,08	12.999,27			1,74
Kỳ 4 Tháng 11/2024	1.722.363.203.634	132.479.164,25	13.001,01			1,74
Kỳ 5 Tháng 11/2024	1.696.594.026.656	130.478.558,36	13.002,85			1,84
Kỳ 6 Tháng 11/2024	1.677.482.632.875	128.935.092,24	13.010,28			7,43
Kỳ 7 Tháng 11/2024	1.665.958.926.100	128.024.452,67	13.012,81			2,53
Kỳ 8 Tháng 11/2024	1.647.267.704.399	126.565.970,09	13.015,09			2,28
Kỳ 9 Tháng 11/2024	1.649.799.209.166	126.734.587,08	13.017,75			2,66
Kỳ 10 Tháng 11/2024	1.668.649.732.580	128.158.298,13	13.020,22			2,47
Kỳ 11 Tháng 11/2024	1.678.241.502.708	128.831.185,16	13.026,67			6,45
Kỳ 12 Tháng 11/2024	1.678.693.874.635	128.855.990,84	13.027,67			1,00
Kỳ 13 Tháng 11/2024	1.652.626.391.529	126.840.604,41	13.029,15			1,48
Kỳ 14 Tháng 11/2024	1.635.152.475.373	125.481.394,91	13.031,03			1,88
Kỳ 15 Tháng 11/2024	1.609.363.890.869	123.482.703,02	13.033,11			2,08
Kỳ 16 Tháng 11/2024	1.610.763.447.883	123.537.083,63	13.038,70			5,59
Kỳ 17 Tháng 11/2024	1.606.645.981.534	123.213.931,30	13.039,48			0,78
Kỳ 18 Tháng 11/2024	1.604.952.609.028	123.064.547,84	13.041,55			2,07
Kỳ 19 Tháng 11/2024	1.604.865.126.559	123.030.851,47	13.044,41			2,86
Kỳ 20 Tháng 11/2024	1.610.489.342.308	123.432.490,87	13.047,53			3,12
Kỳ cuối Tháng 11/2024	1.620.997.806.123	124.206.510,65	13.050,82			3,29
Kỳ 1 Tháng 12/2024	1.621.178.433.531	124.206.510,65	13.052,28			1,46
Kỳ 2 Tháng 12/2024	1.630.228.989.743	124.883.080,13	13.054,04			1,76
Kỳ 3 Tháng 12/2024	1.629.058.893.278	124.760.489,45	13.057,49			3,45
Kỳ 4 Tháng 12/2024	1.630.232.174.402	124.826.707,86	13.059,96			2,47
Kỳ 5 Tháng 12/2024	1.631.291.301.871	124.888.579,48	13.061,97			2,01

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHÚNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/đơn vị Quỹ
	VND	VND		VND	VND	VND
Kỳ 6 Tháng 12/2024	1.625.916.752.829		124.412.033,37	13.068,80		6,83
Kỳ 7 Tháng 12/2024	1.616.810.501.663		123.691.847,00	13.071,27		2,47
Kỳ 8 Tháng 12/2024	1.599.654.313.917		122.361.259,77	13.073,20		1,93
Kỳ 9 Tháng 12/2024	1.602.407.822.403		122.557.823,11	13.074,70		1,50
Kỳ 10 Tháng 12/2024	1.583.491.657.465		121.099.865,32	13.075,91		1,21
Kỳ 11 Tháng 12/2024	1.600.061.404.203		122.304.943,87	13.082,55		6,64
Kỳ 12 Tháng 12/2024	1.611.852.672.719		123.202.309,99	13.082,97		0,42
Kỳ 13 Tháng 12/2024	1.617.956.472.227		123.644.646,62	13.085,53		2,56
Kỳ 14 Tháng 12/2024	1.625.007.969.941		124.167.925,25	13.087,17		1,64
Kỳ 15 Tháng 12/2024	1.626.261.539.963		124.248.283,91	13.088,80		1,63
Kỳ 16 Tháng 12/2024	1.641.264.980.713		125.342.301,80	13.094,26		5,46
Kỳ 17 Tháng 12/2024	1.645.332.252.022		125.629.017,30	13.096,75		2,49
Kỳ 18 Tháng 12/2024	1.641.878.079.371		125.350.824,10	13.098,26		1,51
Kỳ 19 Tháng 12/2024	1.646.150.463.375		125.656.714,84	13.100,37		2,11
Kỳ 20 Tháng 12/2024	1.635.300.777.313		124.801.784,98	13.103,18		2,81
Kỳ 21 Tháng 12/2024	1.636.267.799.726		124.809.779,80	13.110,09		6,91
Kỳ 22 Tháng 12/2024	1.652.347.313.652		126.010.762,09	13.112,74		2,65
Kỳ cuối Tháng 12/2024	1.674.537.507.651		127.686.210,85	13.114,47		1,73
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	1.485.183.441.093					
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất						12,71
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất						0,29

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS)	Ông Lê Việt Hà - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ đồng thời là Thành viên HĐQT của ABS

Quỹ có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	658.782.174.334	694.816.370
Phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	1.825.818.160	694.816.370
Tiền gửi có kỳ hạn một tháng (gốc)	655.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (lãi)	1.956.356.174	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	287.688.071.030	523.064.669.092
Phí dịch vụ quản lý quỹ	21.536.959.427	7.159.220.352
Mua/bán chứng khoán	266.151.111.603	515.905.448.740
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	-	689.105.200
Mua/bán chứng khoán	-	689.105.200

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	497.420.211	1.672.985.444
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	456.316.261	1.451.533.073
Phải trả phí phát hành, phí mua lại	41.103.950	221.452.371
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	60.265.400.246	115.121.589
Tiền gửi có kỳ hạn (gốc)	60.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (lãi)	106.082.193	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	159.318.053	115.121.589

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	700.000.000	300.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Giang

Lê Thị Giang
Người lập

Phùng Thị Minh Thu

Phùng Thị Minh Thu
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà *dk*
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025